



大國際食品股份有限公司

(MST: 3600245631)

INTERFOOD SHAREHOLDING COMPANY  
CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM QUỐC TẾ

Mẫu CBTT-02

## BÁO CÁO HỘI NÔNG QUẢN TRỊ

### CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM QUỐC TẾ

Năm báo cáo: Năm 2006

#### 1. Khái quát chung về công ty:

Công ty Cổ phần Thực phẩm Quốc tế được thừa hưởng môi trường hoạt động từ Công ty Công nghiệp Chế biến Thực phẩm Quốc tế theo Giấy phép Đầu tư số 270/GP ngày 16 tháng 11 năm 1991. Công ty được chuyển đổi thành công ty đại chúng vào ngày 09/08/2005 với việc phát hành lần đầu ra công chúng 3,620,560 cổ phiếu mới cho các nhà đầu tư tổ chức và công chúng để tăng vốn điều lệ lên VND242,841,600,000.

Ngày 17 tháng 10 năm 2006, Công ty niêm yết 5,729,472 cổ phần tại Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh sau khi nhận được Giấy phép Niêm yết số 61/UBCK-GPNY cấp bởi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ngày 29 tháng 9 năm 2006

#### 2. Danh sách thành viên chủ chốt của công ty

##### a. Hội đồng quản trị Công Ty:

Số TT	Hội vai tên	Chức vụ
1	PANG TEE CHIANG	Chủ tịch HĐQT
2	NGUYEN THÒ KIM LIEN	Thành viên
3	YAU HAU JAN	Thành viên
4	PANG TZE YI	Thành viên
5	TENG PO WEN	Thành viên

##### b. Ban kiểm soát

Số TT	Hội vai tên	Chức vụ
1	THAI NGOC NINH	Trưởng ban
2	SAW HENG SOO	Thành viên
3	DAN SO GIANG	Thành viên

### 3. Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2006:

Stt	Chỉ tiêu	2005 VND	2006 VND
<b>1</b>	<b>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>515,243,181,056</b>	<b>657,393,976,188</b>
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	-8,030,279,680	-15,707,700,873
<b>3</b>	<b>Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>507,212,901,376</b>	<b>641,686,275,315</b>
4	Giá vốn hàng bán	-394,424,009,216	-
<b>5</b>	<b>LN gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>112,788,892,160</b>	<b>124,960,778,757</b>
6	Doanh thu hoạt động tài chính	73,804,800	6,621,487,947
7	Chi phí tài chính	-8,532,422,144	-11,820,243,231
8	Chi phí bán hàng	-25,618,630,144	-28,296,589,743
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	-19,257,164,288	-25,301,562,228
<b>10</b>	<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>59,454,480,384</b>	<b>66,163,871,502</b>
11	Thu nhập khác	1,918,845,440	8,580,400,011
12	Chi phí khác	-1,560,217,600	-826,786,350
13	Lợi nhuận khác	358,627,840	7,753,613,661
<b>14</b>	<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>59,813,108,224</b>	<b>73,917,485,163</b>
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp	-8,939,284,992	-14,375,890,557
<b>16</b>	<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>50,873,823,232</b>	<b>59,541,594,606</b>

#### **a. Thu nhập hoạt động SXKD năm 2006:**

Công ty đã đạt được 641 tỉ VND doanh thu trong năm 2006 tăng 134 tỉ VND, lợi nhuận sau thuế tăng 8.7 tỉ VND so với năm 2005.

Tuy nhiên tỉ lệ lợi nhuận thu được trên doanh thu giảm là do:

- Tỉ lệ giữa giá vốn hàng bán trên doanh thu trong năm 2006 tăng 2.8% so với năm trước, do một số lý do: chi phí nhiên liệu và chi phí chung đã tăng hơn 5% trong năm 2006 so với năm 2005. Giá mua các nguyên liệu chính, bao bì đóng gói và chi phí cung ứng tăng từ 5 đến 30% so với năm trước; tiền lương tối thiểu của người lao động tăng khoảng 21% (từ 650.000 đồng/người lên 790.000 đồng/người) và tăng khoảng 7% đối với các lao động đã qua đào tạo.

- Trong năm, Công ty tập trung vào việc gia tăng thị phần, vị thế trên thị trường bằng các chương trình khuyến mãi và chiết khấu trên doanh số bán để tạo nên doanh số cao hơn trong năm 2006 do vậy việc tăng giá vốn không đồng thời với tăng giá bán. Doanh thu năm 2006 tăng 26.5% so với năm 2005

Các chi phí quản lý, bán hàng, tài chính của công ty tăng VND5.46 tỉ VND hay là 10% so với năm 2005. Việc gia tăng này chủ yếu là do kết quả của việc tăng doanh thu của công ty lên 26.5%.

Trong năm công ty đã nhận được hoàn thuế thu nhập doanh nghiệp là 6.359 tỉ VND do tái đầu tư của các năm 2001 và 2002. Thuế thu nhập doanh nghiệp ảnh hưởng trong năm là 19.45% so với năm 2005 là 14.95%.

## **b. Chiến lược thực hiện để tăng thị phần và doanh thu:**

Trong năm 2006, ban quản lý đã đặt mục tiêu doanh thu cao hơn và giành thị phần cao hơn trong đó thực hiện các biện pháp để giảm thiểu tác động của các chi phí trực tiếp và gián tiếp cũng như tăng doanh thu trong năm 2006 như:

- . Áp dụng hệ thống ISO 9001 (2000) cho tất cả các bộ phận và phòng ban tại trụ sở chính và hai nhà máy trực thuộc để giảm thiểu rủi ro, thiệt hại và tối đa thu nhập
- . Bảo đảm và duy trì chất lượng các sản phẩm truyền thống của công ty thông qua việc nghiên cứu và phát triển, thu được kỹ thuật tiên tiến.
- . Tăng cường các chương trình quảng cáo, khuyến mãi trong và ngoài nước tăng doanh số bán sản phẩm nước trái cây đóng chai PET mới
- . Ký kết các hợp đồng gia công với các khách hàng và nhà phân phối truyền thống để đạt chỉ tiêu về doanh thu và lợi nhuận
- . Giới thiệu một loạt các sản phẩm có ga mới ra thị trường.

## **c. Khuyến khích của nhà nước:**

Từ năm 2006, công ty áp dụng thuế suất thuế TNDN là 25%; tuy nhiên, các ưu đãi về thuế TNDN đã được chấp thuận bởi các cơ quan có thẩm quyền, như sau:

Ưu đãi tái đầu tư:

- Đầu tư vốn tăng thêm được miễn thuế 1 năm và giảm 50% cho 4 năm tiếp theo
- Di dời bộ phận bán hàng và các tiện ích của nó ra khỏi trung tâm thành phố Biên hoà (Miễn 2 năm và giảm 50% cho 2 năm tiếp theo).

Ưu đãi thuế đối với việc niêm yết cổ phiếu:

- Ưu đãi giảm 50% thuế TNDN trong 2 năm đối với công ty cổ phần niêm yết tại trung tâm giao dịch chứng khoán; việc ưu đãi này có hiệu lực đối với công ty và việc áp dụng sẽ được công ty xem xét thực hiện

## **4. Chiến lược đầu tư và phát triển**

### **a. Dự án đã thực hiện**

- Trong quá trình hoạt động, công ty liên tục đầu tư và nâng cấp máy móc công nghệ để nâng cao chất lượng sản phẩm và đa dạng hoá sản phẩm. Máy móc thiết bị thường xuyên được bảo dưỡng trong mỗi sáu tháng nhằm bảo đảm hiệu suất sản xuất cao và an toàn thực phẩm. Những đầu tư này là mua sắm các dây chuyền sản xuất hiện đại và nâng cấp các dây chuyền sản xuất hiện có nhằm duy trì và cải tiến chất lượng sản phẩm, thu được hiệu suất sản lượng cao hơn và kỹ thuật đóng gói tiên tiến tuân thủ theo tiêu chuẩn HACCP của công ty.

- Các dây chuyền sản xuất đầu tư mới bao gồm một dây chuyền sản xuất nước trái cây không có gas, một dây chuyền sản xuất nước trái cây có gas, một dây chuyền sản xuất chiết nong ãng trong chai PET (bao gồm mỗc trai cay và nũoc tinh khiết), một hệ thống tham thau ngũoc chieu va hai day chuyen san xuat chai PET. Cac may moc thiet bi co nguon goc tũ Nũoc, Nhat va Trung quoc.

b. Chiến lược phát triển năm 2007:

- Công ty thực hiện việc nắm phần trên cổ sở ngoài mua và ngoài bán từ nguyên sở hữu 90% vốn góp cổ phần của Công ty Công nghiệp thực phẩm Ava theo mệnh giá từ công ty Wonderfarm Biscuits and Confectionery Sdn.Bhd và chuyển công ty này thành công ty con của Công ty cổ phần thực phẩm quốc tế khi công ty này chuyển sang công ty cổ phần mở rộng sản xuất của công ty cùng nhà đồng sở hai tầng sản cơ và ồ nãi nãi từ của Công ty Công nghiệp thực phẩm Ava.

- Di dời bộ phận nông hợp và các tiện ích nãi kem từ nhà máy tại thành phố Biên hòa lên khu công nghiệp Tam phước, huyện Long thành, tỉnh Đồng nai để chuẩn bị cho việc chăm sóc thỏa thuận thuê đất với Ủy Ban Nhân dân tỉnh Đồng nai hết hạn trong năm 2011

- Kế hoạch doanh thu và lợi nhuận trong năm 2007 sẽ tăng 10% so với năm 2006

- Thành lập một công ty con tại miền Bắc Việt nam với 100% vốn cổ phần từ công ty cổ phần thực phẩm quốc tế mở rộng sản xuất kinh doanh ra phía bắc Việt nam và các nước lân cận với tổng số vốn ban đầu khoảng 4 triệu Dollars Mỹ.

**5. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2007:**

Stt	Chỉ tiêu	2006	2007
		VND	VND
1	<b>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>657,393,976,188</b>	<b>723,133,373,807</b>
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	-15,707,700,873	-17,278,470,960
3	<b>Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>641,686,275,315</b>	<b>705,854,902,847</b>
4	Giá vốn hàng bán	-516,725,496,558	-560,398,046,214
5	<b>LN gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>124,960,778,757</b>	<b>145,456,856,633</b>
6	Doanh thu hoạt động tài chính	6,621,487,947	7,283,636,742
7	Chi phí tài chính	-11,820,243,231	-13,002,267,554
8	Chi phí bán hàng	-28,296,589,743	-31,126,248,717
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	-25,301,562,228	-27,831,718,451
10	<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>66,163,871,502</b>	<b>80,780,258,652</b>
11	Thu nhập khác	8,580,400,011	1,438,440,012
12	Chi phí khác	-826,786,350	-909,464,985
13	Lợi nhuận khác	7,753,613,661	528,975,027
14	<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>73,917,485,163</b>	<b>81,309,233,679</b>
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp	-14,375,890,557	-10,163,654,210
16	<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>59,541,594,606</b>	<b>71,145,579,469</b>

**6. Phát hành thêm cổ phiếu mới**

- Công ty phát hành thêm cổ phiếu khoảng 10% vốn nãi le của công ty, vốn nãi le tăng thêm khoảng USD1,530,000, tăng số vốn khoảng USD4,500,000, Việc phát hành cổ phiếu mới sẽ nãi le thực hiện bởi Hội đồng quản trị. Mục đích của việc thực hiện tăng vốn nhằm tài trợ cho việc mở rộng hoạt động của công ty.

### 7. Cơ phiếu thông:

- Công ty phát hành cơ phiếu thông tổ nguồn thặng dư vốn cơ bản cho mỗi 5 (năm) cơ phiếu mệnh giá VND10,000 nam giới sẽ có 1 (một) cơ phiếu thông mệnh giá VND10,000

### 8. Chính sách quản trị:

- Cải tiến kỹ thuật nâng cao chất lượng sản phẩm, sản xuất sản phẩm theo yêu cầu của khách hàng, giữ vững và nâng cao uy tín, thương hiệu sản phẩm trên thị trường.
- Nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho người lao động để họ yên tâm, phấn khởi công tác, phát huy được tinh thần làm việc cao, tính chủ động sáng tạo trong công việc.
- Duy trì và hoàn thiện hệ thống quản lý đáp ứng yêu cầu phát triển của Cty.

### 9. Một số chỉ tiêu tài chính về hoạt động SXKD:

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	2005	2006
<b>Cơ cấu tài sản</b>			
- Tài sản cố định / tổng tài sản	%	37.00	37.00
- Tài sản lưu động / tổng tài sản	%	63.00	63.00
<b>Cơ cấu nguồn vốn</b>			
- Nợ phải trả / Tổng nguồn vốn	%	62.00	36.00
- Nguồn vốn Chủ sở hữu/ Tổng nguồn vốn	%	38.00	64.00
<b>Khả năng thanh toán</b>			
- Khả năng thanh toán nhanh	Lần	0.01	0.02
- Khả năng thanh toán hiện hành	Lần	1.10	1.75
<b>Tỷ suất lợi nhuận</b>			
- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế / Tổng tài sản	%	11.00	12.00
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế / Doanh thu thuần	%	10.00	9.00
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế / Nguồn vốn Chủ sở hữu	%	24.00	15.00

### 10. Cấu trúc cổ đông

Danh mục	Cổ đông trong nước		Cổ đông nước ngoài		Tổng cộng	
	Số lượng cổ phần	%	Số lượng cổ phần	%	Số lượng cổ phần	%
<b>1. Cổ đông Nhà nước</b>	-	<b>0.00%</b>	-	<b>0.00%</b>	-	<b>0.00%</b>
- Cổ đông ủy quyền		0.00%		0.00%	-	0.00%
- Cổ đông được cấp		0.00%		0.00%		0.00%
- Cổ đông khác		0.00%		0.00%		0.00%
<b>2. Cổ đông đặc biệt</b>	<b>20,100</b>	<b>0.08%</b>	<b>20,424,600</b>	<b>84.11%</b>	<b>20,444,700</b>	<b>84.2%</b>
- Cổ đông Hội đồng quản trị	20,000	0.08%		0.00%	20,000	0.1%
- Ban giám đốc		0.00%		0.00%		0.0%
- Ban kiểm soát		0.00%	1,000	0.00%	1,100	0.0%
- Cổ đông sáng lập	-	0.00%	20,423,600	84.10%	20,423,600	84.1%
<b>3. Cổ đông trong Công ty</b>	-	<b>0.00%</b>	-	<b>0.00%</b>	-	<b>0.0%</b>
- Cổ phiếu quỹ	-	0.00%		0.00%		0.0%
- Cổ đông ưu đãi		0.00%	-	0.00%		0.0%
<b>4. Cổ đông thường</b>	<b>2,946,856</b>	<b>12.13%</b>	<b>892,604</b>	<b>3.68%</b>	<b>3,839,460</b>	<b>15.8%</b>
<b>Tổng cộng</b>	<b>2,966,956</b>		<b>21,317,204</b>		<b>24,284,160</b>	<b>100.0%</b>

### 11. Cấu trúc cổ phiếu niêm yết

Cổ đông	Số cổ phần	Tỷ trọng(%)
Cổ phần của cổ đông là thành viên HĐQT, Ban giám đốc, Ban KS	21.100	0,4%
Cổ phần của cổ đông sáng lập được phép chuyển nhượng	1.868.912	32,6%
Cổ đông khác	3,839,460	67,0%
<b>Tổng:</b>	<b>5.729.472</b>	<b>100,0%</b>

Trên đây là cơ cấu cổ đông đến thời điểm chốt danh sách cổ đông chia cổ tức bằng thanh toán cuối năm 2006 vào ngày 14/02/2007 tại lễ niêm yết cổ phiếu của các thành phần cổ đông và không thay đổi từ khi cổ phiếu của công ty bắt đầu niêm yết tại trung tâm giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh.

Ở  
Nông nại, ngày 25 tháng 04 năm 2007  
**Thay mặt công ty cổ phần thực phẩm quốc tế**  
**Chủ tịch Hội Đồng quản trị**

PANG TEE CHIANG